

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế huy động vốn
của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NINH THUẬN

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh thuận về việc thành lập và qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 92/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh thuận về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Ninh thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế huy động vốn của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Ninh thuận và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, TH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Nghị

QUY CHẾ HUY ĐỘNG VỐN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NINH THUẬN
(Ban hành kèm Quyết định số 89 /QĐ-HĐQL ngày 28 /11 /2014
của Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển Ninh thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Hoạt động huy động vốn của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận (viết tắt là Quỹ) là hoạt động thông qua việc nhận tiền gửi dưới hình thức hợp đồng huy động vốn, nhận tiền vay và tiền đầu tư trái phiếu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bằng tiền đồng Việt Nam, nhằm mục đích tạo nguồn vốn để đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp vào các dự án, phương án thuộc đối tượng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Việc huy động vốn thực hiện theo nguyên tắc phải hoàn trả đầy đủ, có lãi suất và sử dụng vốn huy động có hiệu quả kinh tế - xã hội.

3. Quỹ được huy động vốn trung hạn và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Quỹ không huy động nguồn vốn ngắn hạn.

4. Tiền gửi đảm bảo vốn tự có tham gia dự án, tiền gửi vốn bảo hành công trình và nguồn vốn tạm ứng Ngân sách Nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

5. Trường hợp huy động vốn cho ngân sách tỉnh được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vốn chủ sở hữu*: bao gồm vốn điều lệ được ngân sách cấp; các quỹ (quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển); các khoản tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. *Huy động vốn*: là nhận tiền gửi dưới hình thức hợp đồng huy động vốn hoặc nhận tiền vay có kỳ hạn từ một năm trở lên của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng huy động vốn; phát hành trái phiếu Quỹ và các hình thức huy động vốn trung hạn và dài hạn khác theo quy định pháp luật.

3. *Hợp đồng huy động vốn*: là văn bản thỏa thuận giữa Quỹ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về việc huy động vốn, vay vốn.

4. *Trái phiếu Quỹ* (sau đây gọi tắt là trái phiếu) là một loại chứng khoán nợ do Quỹ phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả cả gốc và lãi của Quỹ đối với người sở hữu trái phiếu. Mục đích sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu:

- a) Thực hiện các dự án đầu tư (trái phiếu công trình)
- b) Tăng quy mô vốn hoạt động (trái phiếu doanh nghiệp).

5. *Thời hạn huy động*: là khoảng thời gian theo hợp đồng huy động tính từ ngày Quỹ nhận được khoản tiền huy động đến ngày Quỹ cam kết hoàn trả hết tiền gốc và lãi.

6. *Điều chỉnh thời hạn huy động*: là việc Quỹ và các tổ chức, cá nhân thỏa thuận điều chỉnh lại hợp đồng huy động thông qua phụ lục hợp đồng.

7. *Thời gian trả nợ*: là khoảng thời gian Quỹ bắt đầu trả nợ gốc (khoản đầu tiên) cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng vay vốn.

8. *Điều chỉnh thời gian trả nợ*: là việc Quỹ và các tổ chức, cá nhân thỏa thuận lại thời gian trả nợ theo hợp đồng vay vốn.

9. *Giới hạn huy động*: là tổng mức huy động các nguồn vốn trên tổng nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ tại từng thời điểm.

10. *Tổ chức*: là các pháp nhân quy định tại điều 100 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005, doanh nghiệp tư nhân và Công ty hợp danh.

11. Cá nhân gồm người cư trú và người không cư trú:

a) *Người cư trú*: Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam, công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn dưới 12 tháng, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có thời hạn từ 12 tháng trở lên, công dân Việt Nam đi du lịch, học tập, chữa bệnh và thăm viếng ở nước ngoài không kể thời hạn.

b) *Người không cư trú*: Người nước ngoài cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có thời hạn dưới 12 tháng, công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn từ 12 tháng trở lên, người nước ngoài đến du lịch, học tập chữa bệnh và thăm viếng tại Việt Nam không kể thời hạn.

12. *Khách hàng*: là các tổ chức, cá nhân có quan hệ giao dịch về huy động vốn tại Quỹ.

13. *Chủ sở hữu vốn huy động*: là đại diện tổ chức, là người đứng tên hoặc được ủy quyền đứng tên trên hợp đồng huy động, trên giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu.

14. *Đồng chủ sở hữu vốn huy động*: là từ 02 (tổ chức hoặc cá nhân) trở lên cùng đứng tên trên hợp đồng huy động vốn.

Điều 3. Nguyên tắc huy động vốn

1. Việc huy động vốn phải thực hiện theo đúng các qui định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

2. Huy động vốn phải theo kế hoạch được duyệt.

3. Vốn huy động thực hiện đầu tư vào các dự án, phương án đúng đối tượng, đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội và đảm bảo khả năng thu hồi vốn đầu tư.

4. Hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc và lãi đối với tất cả các khoản vốn mà quỹ huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng những cam kết trong hợp đồng huy động vốn đã ký kết.

Điều 4. Kế hoạch huy động vốn

1. Kế hoạch huy động vốn là một bộ phận của kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ. Hàng năm vào quý IV, Quỹ Đầu tư phát triển có trách nhiệm xây dựng kế hoạch huy động vốn kèm theo kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính của Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch huy động vốn cho Quỹ.

2. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, Quỹ phải huy động vốn vượt kế hoạch được giao đầu năm, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao bổ sung kế hoạch huy động vốn để triển khai thực hiện.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Đối tượng huy động vốn

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu gửi tiền thông qua hình thức hợp đồng huy động vốn; cho vay hoặc mua trái phiếu Quỹ.

Điều 6. Điều kiện huy động vốn

1. Điều kiện giao dịch đối với tổ chức trong nước phải đảm bảo năng lực pháp luật dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

2. Điều kiện giao dịch đối với cá nhân:

a) Cá nhân là người cư trú là các cá nhân phải từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật dân sự.

b) Cá nhân là người không cư trú là các cá nhân phải từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự, đang sinh sống và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và ở nước ngoài.

3. Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài phải thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

Điều 7. Hình thức huy động vốn

1. Quỹ được phép thực hiện huy động vốn trên thị trường thông qua các hình thức sau:

a) Hợp đồng huy động vốn;

b) Hợp đồng vay vốn;

c) Phát hành trái phiếu Quỹ theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính về phát hành trái phiếu.

2. Vốn huy động có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 8. Mức vốn huy động

1. Đối với các tổ chức trong và ngoài nước mức vốn huy động tối thiểu là 100.000.000 đồng.
2. Đối với các cá nhân trong và ngoài nước mức vốn huy động tối thiểu là 50.000.000 đồng.
3. Đối với trái phiếu Quỹ không giới hạn mức huy động.
4. Tổng các nguồn vốn huy động tại từng thời điểm không được vượt quá 6 (sáu) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

Điều 9. Thời gian huy động

1. Đối với hợp đồng huy động vốn từ các tổ chức trong nước, các cá nhân trong và ngoài nước thì thời gian huy động tối thiểu là 12 tháng, thời gian huy động tối đa không hạn chế. Trong trường hợp vì những lý do khách quan và hợp lý, khách hàng có thể rút vốn trước hạn nhưng phải có văn bản đề nghị gửi Quỹ trước 15 ngày, nếu cân đối được nguồn vốn Quỹ có thể giải quyết cho rút vốn trước hạn. Trong trường hợp này, lãi suất sẽ được quy định cụ thể trong hợp đồng huy động vốn.
2. Đối với hợp đồng huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước thì thời gian huy động tối thiểu là 12 tháng, thời gian huy động tối đa không hạn chế hoặc theo thời gian đầu tư của từng dự án cụ thể. Trong trường hợp vì những lý do khách quan và hợp lý, Quỹ có thể thỏa thuận để hoàn trả vốn trước hạn thông qua phụ lục hợp đồng trên cơ sở đảm bảo quyền lợi và sự thống nhất giữa Quỹ và khách hàng.
3. Đối với trái phiếu Quỹ thì thời gian huy động là thời gian phát hành trái phiếu trong phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài phải theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định huy động vốn

1. Đối với các trường hợp huy động vốn trong nước thuộc kế hoạch huy động vốn hàng năm được duyệt do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở tính hiệu quả của việc sử dụng vốn huy động.
2. Đối với các trường hợp huy động vốn từ nước ngoài do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định về vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.
3. Trường hợp huy động vốn phục vụ cho các phương án, dự án đặc biệt thuộc chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Lãi suất huy động

1. Lãi suất huy động vốn đối với từng khoản huy động do người có thẩm quyền quyết định huy động vốn quyết định nhưng không được vượt khung lãi suất trần cho vay đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đảm bảo tính hiệu quả của việc sử dụng vốn huy động.

2. Trường hợp huy động hoặc vay nợ nước ngoài thì lãi suất huy động được thực hiện theo từng chương trình cụ thể và đảm bảo quy định về quản lý vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

3. Lãi suất huy động của trái phiếu theo từng phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp huy động vốn phục vụ cho các phương án dự án đặc biệt thuộc chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương của tỉnh, lãi suất huy động do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 12. Thanh toán lãi huy động vốn

1. Hình thức tính lãi:

a) Đối với Hợp đồng huy động vốn từ các tổ chức trong nước, cá nhân trong và ngoài nước: Trả lãi theo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc trả một lần khi đáo hạn theo yêu cầu của khách hàng.

b) Đối với Hợp đồng huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước: Trả lãi theo thỏa thuận với khách hàng.

c) Đối với trái phiếu Quỹ: Trả lãi hàng 6 tháng hoặc hàng năm và lãi không nhập gốc.

d) Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài phải theo quy định cụ thể đã thỏa thuận trong chương trình huy động giữa Quỹ và khách hàng đồng thời đảm bảo quy định về vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

d) Lãi huy động có thể chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy theo thỏa thuận giữa khách hàng và Quỹ trên cơ sở quy định về sử dụng tiền mặt và ngoại hối do nhà nước quy định.

2. Phương pháp tính lãi:

a) Lãi huy động được tính theo phương pháp tích số trên thời hạn của hợp đồng huy động. Lãi suất được quy định trên cơ sở tháng là 30 ngày hoặc năm là 360 ngày.

b) Trường hợp khách hàng có nhu cầu rút vốn trước hạn:

- Nếu không có thỏa thuận cụ thể trên hợp đồng huy động thì toàn bộ số vốn rút trước hạn sẽ hưởng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt nam quy định tại thời điểm rút vốn, số vốn còn lại (nếu có) được Quỹ bảo lưu lãi suất theo hợp đồng đã ký.

- Nếu đã có thỏa thuận theo khung trên hợp đồng huy động thì thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết.

c) Trường hợp hợp đồng huy động đến hạn đúng vào ngày nghỉ giao dịch theo quy định của Nhà nước, nếu khách hàng yêu cầu tất toán trước ngày nghỉ giao dịch thì cách tính lãi theo như thông thường nhưng số ngày tính lãi là số ngày theo kỳ hạn trừ đi số ngày tất toán trước hạn.

Điều 13. Thủ tục huy động và hoàn trả nợ gốc

1. Thủ tục huy động đối với hợp đồng huy động vốn:

a) Thủ tục huy động:

- Khách hàng khi giao dịch với Quỹ về hợp đồng huy động vốn phải chứng minh năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự, cụ thể: Đối với tổ chức là Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, văn bản chứng minh người đại diện hợp pháp của tổ chức; Đối với cá nhân là Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

- Sau khi đảm bảo các điều kiện, khách hàng đăng ký chữ ký mẫu, mở tài khoản và ký hợp đồng huy động. Hợp đồng được lập thành 04 bản, 02 bản giao cho khách hàng và 02 bản lưu tại Quỹ.

b) Hoàn trả nợ gốc:

- Nợ gốc được thanh toán theo thỏa thuận quy định trong hợp đồng huy động. Khi đến hạn hoàn trả Quỹ thực hiện chuyển trả nợ gốc và lãi, ký thanh lý hợp đồng huy động.

- Nếu ngày đến hạn hoàn trả trùng với ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật, việc chi trả gốc và lãi được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo đầu tiên.

c) Trong trường hợp Hợp đồng huy động vốn đến hạn nhưng khách hàng không đến rút tiền và không có yêu cầu gì khác, Quỹ sẽ tự động nhập lãi vào gốc và đáo hạn thêm một kỳ hạn tiếp theo với các nội dung như kỳ hạn ban đầu với cùng hình thức trả lãi (nếu hình thức trả lãi trước thì chuyển sang hình thức trả lãi sau).

2. Thủ tục huy động bằng trái phiếu Quỹ:

a) Thủ tục phát hành:

- Thủ tục phát hành theo đúng quy định tại phương án phát hành trái phiếu được duyệt.

- Khách hàng tham gia đầu tư trái phiếu Quỹ phải điền đủ các thông tin vào mẫu in sẵn bao gồm: Họ và tên, CMND, hộ chiếu (nếu là cá nhân), tên tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu là tổ chức), địa chỉ, số lượng trái phiếu, số tiền,... Sau khi nộp tiền, khách hàng sẽ nhận được Giấy chứng nhận trái phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành ghi đủ các nội dung về quyền sở hữu, theo quy định.

b) Hoàn trả nợ gốc:

- Quỹ sẽ hoàn trả nợ gốc trái phiếu cho khách hàng khi đến hạn theo quy định ghi trên trái phiếu khi phát hành bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Trường hợp trái phiếu của Quỹ được phát hành thông qua các tổ chức ủy thác hoặc niêm yết thì thực hiện theo quy định về phát hành và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

c) Đối với trái phiếu khi đến hạn nhưng khách hàng không đến rút và không có yêu cầu gì khác, Quỹ sẽ giữ hộ khách hàng và không tính lãi kể từ khi đáo hạn đến ngày khách hàng đến nhận tiền.

Điều 14. Ủy quyền trong quan hệ huy động vốn

Trường hợp khách hàng ủy quyền cho bên thứ ba (bên được ủy quyền) đến quan hệ-giao dịch với Quỹ về Hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ phải đảm bảo các thủ tục sau:

1. Phải xuất trình hợp đồng huy động vốn, Giấy chứng nhận trái phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

2. Văn bản chứng minh năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của bên được ủy quyền: nếu là cá nhân là CMND hoặc hộ chiếu; nếu là tổ chức là Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và văn bản chứng minh người đại diện hợp pháp.

3. Văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 15. Thừa kế trong quan hệ huy động vốn

1. Khi cá nhân chủ sở hữu hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ giao thừa kế cho người khác, đã chết hoặc tòa án tuyên bố đã chết, Quỹ sẽ hoàn trả vốn huy động và lãi (nếu có) cho người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật.

a) Thừa kế theo di chúc: Người thừa kế theo di chúc phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

- CMND hoặc hộ chiếu của người thừa kế, người nhận thừa kế.

- Giấy đề nghị rút tiền (theo mẫu).

- Giấy khai tử hoặc quyết định tuyên bố là đã chết của người chủ sở hữu hợp đồng huy động, trái phiếu Quỹ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền).

- Bản di chúc hợp pháp (bản chính).

- Trường hợp di chúc chỉ định nhiều người thừa kế thì phải có giấy đồng ý của các người thừa kế ủy quyền cho một người đứng ra nhận tiền, có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc tất cả người thừa kế cùng đến Quỹ ký vào đơn xin rút tiền đồng thời ủy nhiệm một người nhận tiền.

b) Thừa kế theo pháp luật: Người thừa kế theo pháp luật phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

- CMND hoặc hộ chiếu của người thừa kế, người nhận thừa kế.

- Giấy đề nghị rút tiền (theo mẫu).

- Giấy khai tử hoặc quyết định tuyên bố là đã chết của người chủ sở hữu hợp đồng huy động, trái phiếu Quỹ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền).

- Giấy ủy quyền người nhận tiền của các người đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc tất cả người thừa kế cùng đến Quỹ ký vào đơn xin rút tiền đồng thời ủy nhiệm một người nhận tiền.

c) Một trong các tài liệu để chứng minh mối quan hệ được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật là: Giấy kết hôn; giấy khai sinh; giấy chứng nhận là cha, mẹ, con nuôi; hoặc giấy xác nhận của công an địa phương, chính quyền địa phương về mối quan hệ giữa người sở hữu tiền gửi, trái phiếu đã chết và người được thừa kế. Trường hợp người được thừa kế theo pháp luật đã chết thì phải có giấy chứng tử do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cá nhân chủ sở hữu hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật thì người giám hộ theo quy định của pháp luật hoặc người được cử làm giám hộ khi nhận vốn huy động tại Quỹ phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

- CMND hoặc hộ chiếu của người giám hộ.

- Giấy đề nghị rút tiền có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Các tài liệu chứng minh quan hệ đủ tư cách là người giám hộ theo quy định của pháp luật.

- Quyết định của tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của người sở hữu tiền gửi, trái phiếu (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền).

3. Trường hợp cá nhân chủ sở hữu hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ bị tuyên bố mất tích theo quyết định của tòa án thì người quản lý tài sản theo quy định của pháp luật hoặc người được chỉ định để quản lý tài sản, khi nhận vốn huy động tại Quỹ phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

- CMND hoặc hộ chiếu của người quản lý tài sản.

- Giấy đề nghị rút tiền có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Các tài liệu chứng minh quan hệ đủ tư cách là người quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

- Quyết định của tòa án tuyên bố là mất tích của người chủ sở hữu vốn huy động (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền).

4. Trường hợp có tranh chấp về việc thừa kế, việc giải quyết phải tuân theo quyết định của tòa án.

5. Trường hợp không có người thừa kế theo di chúc, theo quy định của pháp luật hoặc có nhưng từ chối quyền hưởng thừa kế thì số tiết kiệm sẽ thuộc sở hữu Nhà nước.

Điều 16. Xử lý thất lạc hoặc mất hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu Quỹ

Trường hợp khách hàng bị thất lạc hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận trái phiếu do Quỹ phát hành thì phải báo mất hoặc báo thất lạc hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu có xác nhận của chính quyền địa phương và gửi ngay đến Quỹ để làm cơ sở thanh toán hoặc để được cấp lại. Sau 60 ngày nhận đơn báo mất hoặc thất lạc của khách hàng, theo hồ sơ lưu tại Quỹ và nếu không có vấn đề gì tranh chấp Quỹ sẽ thanh toán cho người chủ sở hữu hoặc tiến hành cấp lại hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại xảy ra do khai báo sau khi Quỹ đã thanh toán hoặc hoàn trả xong nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ và chứng nhận trái phiếu do Quỹ phát hành.

Điều 17. Xử lý trường hợp hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu bị mờ, rách, tẩy xóa,...

1. Hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận sở hữu trái phiếu Quỹ về nguyên tắc khi thanh toán phải còn nguyên vẹn, không bị rách vá, tẩy xóa, sửa chữa. Đặc biệt các yếu tố sau phải nhận dạng được:

- Họ và tên, địa chỉ, số CMND của người sở hữu.
- Số hợp đồng, số series...
- Số tiền gửi, số tiền cho vay, số tiền mua trái phiếu.

2. Nếu các yếu tố trên không đọc hoặc nhận dạng được thì số tiền của khách hàng tạm thời chưa được thanh toán. Khách hàng muốn rút tiền phải thực hiện thủ tục báo hỏng theo mẫu in sẵn, chữ ký và mã hiệu khách hàng trên Giấy báo hỏng phải đúng như chữ ký và mã hiệu đăng ký tại Quỹ. Giấy báo hỏng được lưu tại Quỹ sau 30 ngày kể từ ngày Quỹ nhận được giấy báo hỏng để tiến hành các nghiệp vụ cần thiết theo quy định hiện hành, nếu phù hợp theo quy định Quỹ sẽ thu hồi hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu bị hỏng và cấp lại hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu mới miễn phí cho khách hàng; nếu quá 3 lần thì Quỹ sẽ thu phí cấp lại, cấp mới theo quy định cụ thể từng thời kỳ.

Điều 18. Xử lý từ chối thanh toán

1. Quỹ được quyền từ chối việc nhận và chi trả nợ gốc và lãi tiền gửi, tiền vay nếu khách hàng không thực hiện đúng các quy định tại quy chế này và các thỏa thuận khác đã cam kết với Quỹ.

2. Quỹ được quyền từ chối việc chi trả nợ gốc và lãi đối với các hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu do Quỹ phát hành bị lợi dụng nhưng không phải do lỗi của Quỹ.

Điều 19. Bảo hiểm và bảo mật

Số tiền gửi hoặc cho vay của khách hàng tại Quỹ được bảo mật và được bảo hiểm theo quy định của pháp luật (nếu có).


Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Quỹ, Trưởng ban Ban kiểm soát, các phòng nghiệp vụ trực thuộc Quỹ; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các khó khăn vướng mắc ảnh hưởng đến nhiệm vụ huy động vốn, Giám đốc Quỹ báo cáo và đề xuất kịp thời để Hội đồng quản lý Quỹ quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ 
CHỦ TỊCH




Đỗ Hữu Nghị